

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án số 09 Phát triển toàn diện khu vực nông thôn
tỉnh Lào Cai năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/ĐH ngày 30/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 06/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Đề án số 09 Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai về ban hành 17 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 72-KH/ĐU ngày 01/4/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án số 09 Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 09 Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai năm 2026, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện Đề án số 09 Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 35-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/ĐU của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò điều phối, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nâng cao đời sống nông dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực nông thôn.

- Tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo giữa các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan chuyên môn; phát huy vai trò chủ thể của người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao chất lượng đời sống nông dân.

2. Yêu cầu

- Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đơn vị có liên quan chủ động, tích cực triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Việc triển khai phải bám sát Đề án, kế hoạch, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, gắn với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động, quyết liệt trong thực hiện; thực hiện nghiêm túc việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 09 của Tỉnh ủy, các kế hoạch Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 và năm 2026, góp phần chuyển dịch mạnh sang nông nghiệp sinh thái - nông thôn hiện đại - nông dân văn minh; góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, giai đoạn 2025-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Đề án năm 2026, qua đó tạo sự chuyển biến rõ nét trong việc phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Lào Cai, cụ thể:

(1) Tốc độ tăng trưởng của ngành đạt trên 5,0%; cơ cấu tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh đạt 14,97%.

(2) Giá trị sản phẩm nông nghiệp và thủy sản trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản đạt 94 triệu đồng; tổng sản lượng lương thực có hạt 646.220 tấn; sản lượng thịt hơi các loại 170.000 tấn; sản lượng thủy sản 29.000 tấn.

(3) Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hoá, tổng giá trị sản xuất ngành hàng chủ lực chiếm 58% tổng giá trị ngành nông nghiệp.

(4) Thu nhập của người dân nông thôn đạt 42 triệu đồng/người/năm.

(5) Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 từ 1,5% trở lên.

(6) Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý và bảo vệ rừng bền vững; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 61,3%.

(7) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 36%.

(8) Toàn tỉnh có 15/89 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 16,85% tổng số xã.

(9) Thành lập mới trên 10 HTX nông nghiệp; có khoảng 4% doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trong tổng số doanh nghiệp của tỉnh. Công nhận mới 60 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên.

(10) Hoàn thành sắp xếp khoảng 1.000 hộ dân trong vùng thiên tai nguy hiểm.

(11) Hoàn thành 50% việc xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ số hiện trạng và nguy cơ sạt lở, lũ quét và công cụ lập phương án ứng phó khẩn cấp theo thời gian thực trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết phân công tại Biểu số 1 gửi kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Đề án nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân về vai trò phát triển toàn diện khu vực nông thôn trong thời kỳ mới; tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong xã hội, huy động các nguồn lực tham gia thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp; góp phần chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp sinh thái, bền vững.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở.

- Tăng cường sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án năm 2026. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

2. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Triển khai thực hiện nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển của các ngành, các địa phương theo Luật Quy hoạch nhằm phát huy lợi thế các sản phẩm của địa phương, khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của vùng. Bố trí sử dụng đảm bảo quỹ đất phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá ổn định, tập trung, quy mô lớn.

- Rà soát, chuyển đổi khoảng 403 ha đất nông nghiệp kém hiệu quả sang phát triển cây ăn quả, cây dâu tằm, cây dược liệu... nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý chưa thực hiện đo đạc, quy chủ; tiến hành kiểm kê, đo đạc và nghiên cứu giao các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Vườn quốc gia ở những nơi có diện tích rừng lớn, tập trung để quản lý; những diện tích nhỏ lẻ, manh mún, xen kẽ nghiên cứu cho chủ rừng là cộng đồng dân cư, thôn, bản quản lý.

3. Cơ chế, chính sách

- Tiếp tục xây dựng, đề xuất ban hành chính sách nhằm phát triển toàn diện khu vực nông thôn với các chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao; thực hiện lồng ghép các chương trình, kế hoạch, chính sách về khoa học công nghệ, chuyển đổi số; chính sách phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư; du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách tham gia vào thị trường tín chỉ carbon, thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, phát triển dược liệu dưới tán rừng; cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn; sắp xếp dân cư;... Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; chính sách tín dụng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; bảo trợ xã hội để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026 của Đề án 09.

- Tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

4. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Tập trung tái cơ cấu toàn diện ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát huy lợi thế từng vùng sinh thái để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với chè, cây ăn quả, chuối, dứa, cây có múi, dược liệu, rau, hoa và vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản quy mô lớn. Đẩy mạnh ứng dụng VietGAP, hữu cơ, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng ổn định, bền vững. Bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây có giá trị kinh tế cao. Phát triển chăn nuôi công nghiệp, an toàn sinh học gắn với chế biến, tiêu thụ. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế mặt nước nuôi cá nước lạnh và các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao; tăng cường bảo vệ và khai thác thủy sản bền vững. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, mở rộng vùng nguyên liệu gỗ lớn, quế, dược liệu; triển khai hiệu quả dịch vụ môi trường rừng và chuẩn bị tham gia thị trường tín chỉ carbon. Xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn; Tăng cường liên kết chuỗi giá trị, thu hút doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu, phát triển thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Thúc đẩy kinh tế tư nhân, hợp tác xã phát triển; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thích ứng biến đổi khí hậu.

5. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách khác của Trung ương để tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân năm 2026.

- Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới, các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026 theo kế hoạch. Hoàn thiện 100% quy hoạch nông thôn trong năm 2026; ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, môi trường, hạ tầng số

và thương mại nông thôn, nâng cao tỷ lệ xã đạt chuẩn các tiêu chí theo lộ trình. Đẩy mạnh phát triển sinh kế, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, đào tạo nghề và thu nhập người dân; bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện điều kiện sống khu vực nông thôn.

- Tăng cường quản lý môi trường, xử lý chất thải theo hướng tuần hoàn, phát triển cảnh quan xanh - sạch - đẹp gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa. Giữ vững quốc phòng, an ninh, phát huy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng mô hình tự quản gắn với chuyển đổi số. Chủ động ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu; sắp xếp, ổn định dân cư vùng nguy cơ cao; đầu tư hoàn thiện hạ tầng phòng, chống thiên tai, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, thủy điện, bảo đảm an toàn hồ đập và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

6. Khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến, các tiêu chuẩn chất lượng để nâng cao giá trị. Ưu tiên đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực để nghiên cứu, triển khai đồng bộ nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số ngành nông nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện các mô hình sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp, thủy sản công nghệ cao, tuần hoàn, chuỗi giá trị, thông minh (*với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, dược liệu,...*); hỗ trợ, ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành nông nghiệp như áp dụng công nghệ hiện đại trong canh tác, sản xuất, liên kết chuỗi giá trị và thay đổi phương thức quản lý.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (*quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, thị trường,...*). Ứng dụng công nghệ, thiết bị mới trong việc quản lý, giám sát tài nguyên rừng, điều tra trữ lượng rừng, đo đếm xác định trữ lượng carbon. Hoàn thiện dữ liệu đất đai đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống.

7. Nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn ngành nông nghiệp cấp tỉnh, cấp xã bảo đảm đáp ứng yêu cầu sản xuất; tiếp tục sắp xếp, kiện toàn mạng lưới đơn vị sự nghiệp của ngành đảm bảo hoạt động hiệu quả; đẩy mạnh tự chủ tài chính, đa dạng hóa nguồn thu; nâng cao năng lực chuyên môn và quản trị cho đội ngũ cán bộ gắn với nhu cầu thực tiễn của người dân và địa phương.

- Đổi mới công tác tập huấn, đào tạo nghề cho tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân; gắn chương trình, nội dung đào tạo nghề với yêu cầu thực tiễn sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, chú trọng kỹ năng xây dựng phương án sản xuất, tiếp cận thị trường, liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời trang bị kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tập trung nâng cao tri thức, năng lực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ cho nông dân thông qua đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường và đặc thù từng vùng; ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, du lịch cộng đồng và dịch vụ nông nghiệp. Đẩy mạnh trang bị kiến thức thị trường, kỹ năng thương mại điện tử, chuyển đổi số, quản trị sản xuất, khởi nghiệp; tăng cường phổ biến pháp luật, nâng cao năng lực tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác, phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Lồng ghép định hướng nghề nghiệp nông thôn trong trường học; triển khai phong trào khởi nghiệp nông nghiệp; xây dựng mô hình “nông dân số”, hỗ trợ tiếp cận hạ tầng và nền tảng số. Tập trung chuyển dịch cơ cấu việc làm, nhân rộng mô hình sinh kế hiệu quả, hỗ trợ tiếp cận vốn, khoa học kỹ thuật và liên kết tiêu thụ nhằm nâng cao thu nhập, phấn đấu đến hết năm 2026 thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt bình quân 42 triệu đồng/người/năm khu vực nông thôn. Đồng thời, nâng cao năng lực thích ứng thiên tai, sử dụng bền vững tài nguyên, phát triển nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải; giữ gìn bản sắc văn hóa, xây dựng nông thôn văn minh, đoàn kết, phát triển bền vững.

8. Hợp tác quốc tế và liên kết vùng

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức trong nước, quốc tế để triển khai các chương trình đào tạo nông nghiệp bền vững, chuyển giao kỹ thuật, nông nghiệp công nghệ cao và kỹ năng số cho lao động nông thôn; mời chuyên gia trong nước và quốc tế đến giảng dạy, tư vấn, phối hợp mở các khóa tập huấn, đặc biệt về kỹ thuật trồng trọt, chế biến sau thu hoạch, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Xây dựng vùng nguyên liệu hàng hóa tập trung, liên kết giữa các tỉnh lân cận, các hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến và nhà phân phối; tăng cường mở rộng vùng nguyên liệu, kết nối với hệ thống chế biến trong nước và xuất khẩu. Tận dụng lợi thế cửa khẩu và đường sắt Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh để xuất khẩu nông sản, chế biến sang thị trường Trung Quốc và quốc tế.

9. Xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

- Tập trung thu hút đầu tư các dự án sản xuất, chế biến và chế biến sâu sản phẩm nông, lâm, thủy sản đảm bảo chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm để phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa các hình thức truyền thông đi đôi với xây dựng và bảo vệ thương hiệu; phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc đáp ứng yêu cầu các Hiệp định thương mại tự do (FTA) có Việt Nam tham gia. Tăng cường kết nối xuất khẩu hàng nông, lâm sản; duy trì vững chắc thị trường truyền thống (Trung Quốc, Trung Đông...), đẩy mạnh xúc tiến thị trường mới, tiềm năng như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc...

10. Huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công

- Khuyến khích thu hút tư nhân đầu tư vào phát triển nông nghiệp; nhà nước chỉ trực tiếp làm những việc mà tư nhân và các tổ chức xã hội không làm được. Nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án, tổ chức quản lý, vận hành các dự án có hiệu quả; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất tập trung, các cụm dân cư, các khu, vùng ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ đầu tư bảo quản sau thu hoạch và công nghệ chế biến nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn đáp ứng theo tiêu chuẩn nông thôn mới (Nền đường được thiết kế rộng tối thiểu 7m, mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng từ 5m trở lên). Lồng ghép đa dạng nguồn lực (ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn xã hội hóa,...) và các hạ tầng khác như thủy lợi, điện, viễn thông để tạo ra một hệ sinh thái phát triển cho nông thôn. Tăng cường duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông và các hạ tầng khác sau đầu tư để kéo dài tuổi thọ, nâng cao hiệu quả sử dụng.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ trọng tâm tại Biểu số 2 và các chỉ tiêu khác từ phụ lục số 3 đến 14 gửi kèm theo)

V. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Nhu cầu vốn thực hiện Đề án năm 2026: 3.561 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí:

- Ngân sách trung ương: 1.508 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 654 tỷ đồng.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác (*Nguồn vốn đầu tư các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tín dụng và các nguồn vốn ngoài ngân sách hợp pháp khác...*) để thực hiện các chương trình, dự án và các phần việc phù hợp tại Kế hoạch này: 1.399 tỷ đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Phối hợp, theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai, thực hiện theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là đơn vị thường trực, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã/phường và các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Phối hợp, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án số 09.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các đơn vị có liên quan

Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tổ chức thực hiện đề án. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý, kiểm tra, đánh giá, giải quyết các vướng mắc để thực hiện đề án, kế hoạch có hiệu quả góp phần gắn kết chặt chẽ với phát triển nông nghiệp - nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; trong đó Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cân đối, bố trí vốn từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Kế hoạch bảo đảm đúng các quy định hiện hành và phù hợp với khả năng của ngân sách.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này để tham mưu, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án, bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Đề án, Kế hoạch trên địa bàn phù hợp với kế hoạch hàng năm và thực tiễn địa phương mình; đồng thời chỉ đạo, giao kế hoạch cụ thể cho các thôn, tổ dân phố tổ chức thực hiện. Ưu tiên, bố trí nguồn lực, ngân sách hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình và triển khai thực hiện phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành; các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 10 của các tháng cuối quý (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12)**.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 16 của các tháng cuối quý (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12)**.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án 09 Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Tỉnh ủy Lào Cai;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NLN (Minh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Bá